

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2017/DS-ST
Ngày: 26-9-2017.
V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

2. Ông Lâm Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2017/TLST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2017, về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2017/QĐXXST- DS ngày 16 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị Quốc T, sinh năm 1976; Địa chỉ cư trú: ấp Long C, xã B, huyện N, tỉnh ĐT. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Ngọc G, sinh năm 1979; Địa chỉ cư trú: ấp Long C, xã B, huyện N, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

3. Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1979; Địa chỉ cư trú: ấp Long C, xã B, huyện N, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/5/2017 trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn chị Dương Thị Quốc T, trình bày:

Ngày 02/3/2014 âm lịch, anh G có đến nhà chị vay 50.000.000đ, lãi suất 3%/tháng, việc vay tiền anh G có làm biên nhận, không thế chấp tài sản, thời hạn

trả 02 tháng. Sau khi vay tiền anh G đóng lãi được 1.500.000đ, việc đóng lãi không có làm biên nhận. Sau đó chị không thấy anh G trả tiền gốc và đóng lãi nữa nên chị đến nhà đòi tiền thì anh G kêu chị bán đầu hui. Vì để anh G trả tiền gốc 50.000.000đ nên vào ngày 02/5/2015 âm lịch chị đã bán cho anh G một đầu hui 2.000.000đ, hui nửa tháng khui một lần, có 22 người tham gia. Anh G mua lại hui được số tiền 39.000.000đ và đã trả cho chị để trừ vào số tiền đã vay 50.000.000đ. Như vậy, anh Giàu còn nợ lại chị 11.000.000đ tiền gốc. Anh G đã trả xong số tiền đã mua lại đầu hui (chầu xong hui chết). Từ lúc còn nợ 11.000.000đ anh G không trả gốc và đóng lãi.

Không nhớ ngày tháng chị nhớ cách nay khoảng vài tháng chị có làm đơn khởi kiện thưa anh G tại Tòa án, lúc làm đơn kiện chị yêu cầu anh G trả 11.000.000đ tiền gốc còn nợ, không yêu cầu tính lãi. Nhưng khi đến Tòa án anh G xin trả cho chị 5.500.000đ chị không đồng ý. Lúc đó anh G còn cho rằng 11.000.000đ là tiền lãi, chị tức giận nên rút đơn kiện lại để khởi kiện yêu cầu anh G trả thêm phần tiền lãi của 11.000.000đ. Chị yêu cầu anh Phạm Ngọc G trả cho chị tiền vay còn nợ: Tiền gốc 11.000.000đ, tiền lãi $11.000.000đ \times 17 \text{ tháng} \times 3\% = 5.610.000đ$. Tổng cộng: 16.610.000đ nhưng tại phiên tòa chị không yêu cầu anh G trả lãi nữa, chỉ yêu cầu anh G trả tiền gốc còn nợ 11.000.000đ.

Trong quá trình tiến hành tố tụng. Bị đơn, anh Phạm Ngọc G không có văn bản ghi ý kiến gởi cho Tòa án.

Người làm chứng chị Nguyễn Thị S, trình bày: Chị là vợ của anh Phạm Ngọc G. Trước kia chị T có khởi kiện anh G đến Tòa án, chị cũng đến Tòa nhưng vì không phải là đương sự nên không có làm bản khai hay lấy lời khai. Chị biết anh G thiếu tiền chị T 11.000.000đ nhưng đó là tiền lãi của số tiền gốc 50.000.000đ đã vay trước đó, hiện đã trả xong. Lúc đó Thẩm phán có động viên trả 5.500.000đ thì chị T nói để về suy nghĩ lại, rồi chị T rút đơn kiện và làm đơn khởi kiện anh Giàu lại, yêu cầu anh G trả 16.610.000đ. Nay hoàn cảnh vợ chồng chị khó khăn xin trả 5.500.000đ. Nếu chị T đồng ý cho trả 5.500.000đ, anh G đang làm thuê ở H thì chị kêu anh G đến Tòa án làm bản khai và ký biên bản. Anh G đi làm thuê nhưng 01 tháng có về nhà 01-02 lần, ở được 01-02 tiếng rồi đi tiếp.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bị đơn anh Phạm Ngọc G trả cho chị Dương Thị Quốc T số tiền vay còn nợ 11.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị Quốc T, yêu cầu anh Phạm Ngọc G trả tiền vay còn nợ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy

định Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Phạm Ngọc G, người làm chứng chị Nguyễn Thị S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nhưng chị S có lời khai với Tòa án. Do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh G, chị S theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa chị Dương Thị Quốc T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chị yêu cầu anh G trả số tiền gốc 11.000.000đ, còn tiền lãi 5.610.000đ thì chị thống nhất cho anh G, không yêu cầu anh G trả. Hội đồng xét xử xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu của chị T là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu là phù hợp theo quy định tại Điều 5, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Dương Thị Quốc T yêu cầu bị đơn anh Phạm Ngọc G trả số tiền vay còn nợ là 11.000.000đ, không yêu cầu tính lãi. Xét, yêu cầu của chị T là có căn cứ để chấp nhận. Vì bị đơn anh Phạm Ngọc G đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm nhưng anh G vẫn không đến Tòa án và cũng không có văn bản ghi ý kiến gởi cho Tòa án. Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 04/7/2017 của chị Nguyễn Thị S là vợ của anh Phạm Ngọc G trình bày là có biết anh G có nợ chị T 11.000.000đ nhưng đó là tiền lãi của khoản tiền vay 50.000.000đ trước đó đã trả xong. Chị T không thừa nhận và Tòa án đã yêu cầu anh G cung cấp chứng cứ chứng minh 11.000.000đ là tiền lãi của 50.000.000đ đã vay trước đó nhưng anh G không có chứng cứ gì để chứng minh. Mặt khác, chị T cho rằng anh G vay tiền còn nợ là phù hợp với biên nhận vay tiền ngày 02-3-2014 âm lịch. Do đó yêu cầu của chị T là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Từ những nhận định trên có căn cứ xác định. Anh Phạm Ngọc G còn nợ chị Dương Thị Quốc T số tiền vay gốc 11.000.000đ chưa trả là thật. Do đó buộc anh Phạm Ngọc G trả cho chị Dương Thị Quốc T số tiền vay còn nợ là 11.000.000đ phù hợp với quy định tại Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 144, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để buộc các đương sự phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định: Nguyên đơn chị Dương Thị Quốc T không phải chịu tiền án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 415.000đ

theo biên lai thu số 00982 ngày 24/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự. Bị đơn anh Phạm Ngọc G chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trên nghĩa vụ phải thực hiện (11.000.000đ) là 550.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 91, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229, khoản 1 Điều 244, Điều 144, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; các Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Dương Thị Quốc T.

Buộc anh Phạm Ngọc G trả cho chị Dương Thị Quốc T số tiền vay còn nợ là 11.000.000đ (Mười một triệu đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1 Chị Dương Thị Quốc T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 415.000đ theo biên lai thu số 00982 ngày 24/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

2.2 Anh Phạm Ngọc G chịu 550.000đ (Năm trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong.

4. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Dung